

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 16 - 9 - 2022.

V/v ly hôn giữa chị T và anh D.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Thanh Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Ngọc Thu.

Ông Trần Quang Đông.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2022/QĐST-DS ngày 19/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số nhà 18, khóm T, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số nhà 18, khóm T, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn chị Phan Thị Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu D sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 02 năm 2020, chị và anh D chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh D không lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu và cờ bạc, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên chị T yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh D. Chị và anh D chung sống với nhau chưa có con chung, chưa tạo lập tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Hữu D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị Thu T và anh Nguyễn Hữu D kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên chị T có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh D, anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Theo chứng cứ do chị T cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị T và anh D có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 02 năm 2020 (Giấy chứng nhận kết hôn số 09). Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc chị T và anh D sống ly thân, anh D được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy anh không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị T và anh D chung sống với nhau chưa có con chung; chưa tạo lập tài sản chung và không có nợ chung, đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó chị T phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Thu T ly hôn anh Nguyễn Hữu D.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Phan Thị Thu T nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0001244 ngày 31/5/2022, chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hồ Thanh Hồng**

